

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày: 05/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh T
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Th
Ông Nguyễn Viết X
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn P, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức M- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/HS-ST ngày 04/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Văn Nh, sinh năm 1978 tại Bình D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Út T; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Họ tên cha: Phan Văn M (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị B (đã chết); Bị cáo có 03 anh, chị ruột, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1972; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1992; Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 25/02/2004 của Tòa án nhân dân huyện Bến C (nay là thành phố Bến C), tỉnh Bình D áp dụng khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 tuyên phạt bị cáo Phan Văn Nh 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong và đã được xóa án tích; Ngày 18/8/2016 bị Công an thị trấn Tân P, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

2. Họ và tên: Lại Văn N, sinh năm 1981 tại B; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi

phạm tội: Làm rầy; Trình độ học vấn: 5/12; Họ tên cha: Lại Văn R, sinh năm 1952; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; Bị cáo có 03 anh, em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985; Họ tên vợ: Trần Thị N, sinh năm 1981; Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2014/HSST ngày 20/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Phú G, tỉnh Bình D áp dụng khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 tuyên phạt bị cáo Lại Văn N 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

3. Họ và tên: Nguyễn Bình Tr, sinh năm 1995 tại B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Thợ xây; Trình độ học vấn: 10/12; Họ tên cha: Nguyễn Bình T, sinh năm 1967; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Bị cáo có 01 em ruột sinh năm 2001; Họ tên vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1997; Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

4. Họ và tên: Trần Đình S, sinh năm 1985 tại Thái Bình; Giới tính: nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Trần Đình B, sinh năm 1947 (còn sống); Họ tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1948 (còn sống); Bị cáo có 07 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1992; Họ tên vợ: Trần Thị V, sinh năm 1985; Bị cáo có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

5. Họ và tên: Lê Đăng Q, sinh năm 1983 tại Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Làm rầy; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Lê Đăng T (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị Th sinh năm 1945; Bị cáo có 04 anh, chị ruột, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1977; Họ tên vợ: Cao Thị Đ, sinh năm 1987; Bị cáo có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

6. Họ và tên: Phí Văn N, sinh năm 1979 tại Thái Bình; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp 9, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Phí Quang S, sinh năm 1943; Họ tên mẹ: Phạm Thị B (đã chết); Bị cáo có 05 anh, chị em ruột, lớn nhất sinh

năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1987; Họ tên vợ: Trần Thị D, sinh năm 1985; Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

7. Họ và tên: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1988 tại Hải Dương; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Ấp Đồng Tr, xã Phước S, huyện Phú G, tỉnh Bình D; Nơi tạm trú: Ấp 5, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đoàn thể; Đảng phái): Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1956; Họ tên mẹ: Đặng Thị Lan L, sinh năm 1958; Bị cáo có 02 chị ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1985; Họ tên vợ: Trần Lê Ngọc H, sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2023 cho đến nay.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B truy tố về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Lê Ngọc H, sinh năm 1990(có mặt).

Trú tại: Ấp 4B, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/6/2023, bị cáo Phan Văn Nh, Trần Đình S đến quán cà phê trong vườn cao su thuộc ấp 5, xã Tân L, huyện Đ do Nguyễn Hoàng A đang quản lý để chơi. Một lúc sau, Lại Văn N và Nguyễn Bình Tr đến, cả nhóm cùng thống nhất đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào liêng, cả nhóm quy định mỗi người đặt trước 100.000 đồng/ván, sau khi chia bài tùy theo bài của mỗi người để đánh, thấp nhất từ 100.000 đồng trở lên, bài ai cao nhất sẽ thắng. Khi chơi, Nh sử dụng 5.000.000 đồng, S sử dụng 4.100.000 đồng, N sử dụng 12.800.000 đồng, Tr sử dụng 10.000.000 đồng. Chơi năm ván đầu, cả nhóm trích ra 500.000 đồng đưa cho Hoàng A để mua bài tây, thức ăn, nước uống; Hoàng A mua hết 410.000 đồng, còn 90.000 đồng Hoàng A được hưởng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Lê Đăng Q đến sử dụng 2.700.000 đồng, tiếp đó Phí Văn N đến sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Khi đánh bạc, Q và Nam mỗi người mượn Nh 5.000.000 đồng để đánh bạc. Sau đó Nh nghỉ, còn Q, S, Tr, N, Nam tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi Trần Đình S, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Lê Đăng Q, Phí Văn N đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, Nh nằm võng xem thì bị lực lượng Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã Tân L kiểm tra phát hiện nên Tr, Nam bỏ chạy. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản kiểm tra, thu giữ tang vật, đồng thời đưa Nh, Q, N, S, Hoàng A về trụ sở làm việc. Còn Tr, Nam sau đó đã tự nguyện đến Cơ quan Công an khai nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, Phan Văn Nh, Trần Đình S, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Lê Đăng Q, Phí Văn N, Nguyễn Hoàng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tổng số tiền Phan Văn Nh, Trần Đình S, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Lê Đăng Q, Phí Văn N sử dụng đánh bạc tại vườn Cao su do Nguyễn Hoàng A quản lý là 44.800.000 đồng (bao gồm: Nh sử dụng 5.000.000 đồng, S sử dụng 4.100.000 đồng, N sử dụng 12.800.000 đồng, Tr sử dụng 10.000.000 đồng, Q sử dụng 7.700.000 đồng, Nam sử dụng 5.200.000 đồng).

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tr, Sang, Q, Nam, Anh phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo Nh có Nh đóng góp địa phương được UBND xã Tân L tặng Nh giấy khen.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng

- Thu giữ trên chiếu bạc: 01 bàn nhựa màu đỏ; 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; số tiền 3.600.000 đồng dưới bàn nhựa (sử dụng đánh bạc);

- Thu giữ xung quanh chiếu bạc: 07 ghế nhựa màu đỏ; 01 bàn nhựa màu đỏ, trên bàn có 01 điện thoại di động Oppo màu đen; 01 bàn gỗ xếp, trên bàn có số tiền 6.600.000 đồng (sử dụng đánh bạc) và 01 điện thoại di động Oppo màu đen.

- Thu giữ trên người các bị cáo: Lê Đăng Q 01 điện thoại Oppo Reno 6Z; Lại Văn N 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số tiền 500.000 đồng (sử dụng đánh bạc); Trần Đình S 01 điện thoại di động Oppo màu xanh, số tiền 8.600.000 đồng (sử dụng đánh bạc);

- Thu giữ xung quanh khu vực đánh bạc: 01 xe mô tô biển số 54L1 - 8513; 01 xe mô tô biển số 61L3 - 7387; 01 xe mô tô biển số 93P2 - 02256; 01 xe ô tô biển số 93A - 26569; 01 xe ô tô biển số 93A - 23571;

- Các bị cáo giao nộp: Nguyễn Hoàng A 01 xe mô tô biển số 93T3 - 2203, số tiền 990.000 đồng (có 90.000 đồng sử dụng đánh bạc); Phan Văn Nh số tiền 10.500.000 đồng (sử dụng đánh bạc); Phí Văn Năm 01 điện thoại di động Oppo A3S, số tiền 1.500.000 đồng (sử dụng đánh bạc); Nguyễn Bình Tr số tiền 3.000.000 đồng (sử dụng đánh bạc);

- Ông Trương Minh Đạt giao nộp: 02 bộ bài tây đã bóc nhãn, hộp;

Vào các ngày 17/6/2023, 20/6/2023, 28/6/2023, 08/8/2023, 09/8/2023, 10/8/2023, 12/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho: Phí Văn N 01 xe mô tô biển số 61L3 - 7387, 01 điện thoại di động Oppo A3S; Lê Đăng Q 01 xe ô tô biển số 93A - 23571, 01 điện thoại Oppo Reno 6Z; Nguyễn Bình Tr 01 điện thoại di động Oppo màu đen, 01 xe mô tô biển số 93P2 - 02256; Lại Văn N 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, 01 xe mô tô biển số 54L1 - 8513; Trần Đình S 01 điện thoại di động Oppo màu xanh, 01 xe ô tô biển số 93A - 26569; Phan Văn Nh 01 điện thoại di động Oppo màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn Nh, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Trần Đình S, Lê Đăng Q, Phí Văn N và Nguyễn Hoàng A phạm tội “*Đánh bạc*”.

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xem xét xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ phạm tội theo quy định, tuy nhiên đối với các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đủ điều kiện được hưởng án treo theo nghị quyết của hội đồng thẩm phán nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần tạo điều kiện để các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn Nh mức án tù 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, Điều 38, Điều 50, 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lại Văn N mức án tù 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 17, Điều 38, Điều 50, 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình Tr mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đình S mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đăng Q mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phí Văn N mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu nộp ngân sách đối với số tiền: Thu giữ trên chiếu bạc 3.600.000 đồng; Thu giữ xung quan chiếu bạc 6.600.000 đồng; Thu giữ trên người các bị cáo: Lại Văn N 500.000 đồng, Trần Đình S 8.600.000 đồng; Các bị cáo giao nộp: Nguyễn Hoàng A 90.000 đồng, Phan Văn Nh 10.500.000 đồng, Phí Văn Năm 1.500.000 đồng, Nguyễn Bình Tr 3.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 93T3 - 2203.

Tuyên trả cho: Bị cáo Nguyễn Hoàng A 900.000 đồng;

Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 lá; 02 bàn nhựa màu đỏ; 01 bàn gỗ xếp; 07 ghế nhựa màu đỏ.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61L3 - 7387, 01 điện thoại di động Oppo A3S đã trả lại cho Phí Văn N; 01 xe ô tô biển số 93A - 23571, 01 điện thoại Oppo Reno 6Z đã trả lại cho Lê Đăng Q; 01 điện thoại di động Oppo màu đen, 01 xe mô tô biển số 93P2 - 02256 đã trả lại cho Nguyễn Bình Tr; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, 01 xe mô tô biển số 54L1 - 8513 đã trả lại cho Lại Văn N; 01 điện thoại di động Oppo màu xanh, 01 xe ô tô biển số 93A - 26569 đã trả lại cho Trần Đình S và 01 điện thoại di động Oppo màu đen đã trả lại Phan Văn Nh nên đề nghị không xem xét.

Ý kiến của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, quá trình tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ đến 14 giờ 00 phút, ngày 04/6/2023, bị cáo Nguyễn Hoàng A đã cho Phan Văn Nh, Trần Đình S, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Lê Đăng Q, Phí Văn N sử dụng vườn cao su do bị cáo Anh quản lý để đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào liêng để hưởng lợi số tiền 90.000 đồng tại ấp 9, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B thì bị kiểm tra phát hiện. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 44.800.000 đồng (Bốn mươi bốn Tr tám trăm nghìn đồng).

[3] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội, gây mất an N trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa lành mạnh của cộng đồng dân cư.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, không có tổ chức phân công cụ thể mà tự bộc phát. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được việc tham gia đánh bạc ăn tiền là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn hưởng thụ tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như khai nhận ở trên. Hành vi đánh bạc mà các bị cáo thực hiện cũng là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Xét cần phải xét xử các bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngoài ra các bị cáo S, Tr, Anh, Nam, Q phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo Nh và N mặc dù đã bị kết án nhưng được xóa án tích, căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo; Xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không ảnh hưởng đến an N trật tự xã hội nơi địa phương; Bị cáo N đang nuôi con nhỏ dưới 18 tuổi. Bị cáo Nh có Nh đóng góp cho địa phương nơi cư trú, được UBND xã Tân L tặng Giấy khen thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” vào các năm 2021, 2022; bản thân chấp hành tốt các quy định của địa phương, ngoài ra bản thân bị cáo đang bị bệnh tiểu đường tuyp 2 đang chữa trị tại Bệnh viện và đang nuôi con nhỏ.

Đối với các bị cáo S, Tr, Anh, Nam, Q chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Nh, N đã được xóa án tích, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đang nuôi con nhỏ, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét thấy không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giám sát cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với ông Trương Minh Đạt, bà Trần Lê Ngọc Hạnh quá trình điều tra không liên quan đến hành vi đánh bạc nên không xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với số tiền 34.300.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần sung quỹ nhà nước.

+ Đối với số tiền 410.000 đồng bị cáo Nguyễn Hoàng A đã sử dụng mua com, nước, bài phục vụ đánh bạc nên không xem xét.

+ Đối với số tiền 900.000 đồng thu giữ của Nguyễn Hoàng A không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần quản thủ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với bị cáo Lê Đăng Q mượn của Phan Văn Nh số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo Phí Văn N mượn của Nh 5.000.000 đồng để nhằm mục đích đánh bạc nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với 03 bộ bài tây; 02 bàn nhựa màu đỏ; 01 bàn gỗ xếp; 07 ghế nhựa màu đỏ là vật chứng, công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tiêu hủy.

+ Đối với 01 mô tô biển số 93T3 - 2203 là tài sản của Nguyễn Hoàng A nhưng bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để đi mua com, nước, bài... phục vụ cho các bị cáo đánh bạc nên cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 61L3 - 7387, 01 điện thoại di động Oppo A3S đã trả lại cho Phí Văn N; 01 xe ô tô biển số 93A - 23571, 01 điện thoại Oppo Reno 6Z đã trả lại cho Lê Đăng Q; 01 điện thoại di động Oppo màu đen, 01 xe mô tô biển số 93P2 - 02256 đã trả lại cho Nguyễn Bình Tr; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, 01 xe mô tô biển số 54L1 - 8513 đã trả lại cho Lai Văn N; 01 điện thoại di động Oppo màu xanh, 01 xe ô tô biển số 93A - 26569 đã trả lại cho Trần Đình S và 01 điện thoại di động Oppo màu đen, các tài sản này qua quá trình điều tra xét thấy không liên quan đến

hành vi đánh bạc nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho các chủ sở hữu nêu trên, các chủ sở hữu không có ý kiến gì nên không xem xét lại.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền nên cần xử phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền để các bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện đạo đức, ý thức được tự mình lao động tạo ra đồng tiền chân chính cho mình chứ không phải sát phạt nhau để có những đồng tiền bất chính.

[8] Trách nhiệm dân sự: không.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phan Văn Nh, Lại Văn N.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Nh, Lại Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn Nh 01 (một) năm 03 (ba) tháng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02(hai) năm 06(sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Lại Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn Nh, Lại Văn N mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười Tr đồng) về hành vi đánh bạc.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Bình Tr, Trần Đình S, Lê Đăng Q, Phí Văn N và Nguyễn Hoàng A.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bình Tr, Trần Đình S, Lê Đăng Q, Phí Văn N và Nguyễn Hoàng A phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình Tr 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Trần Đình S 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Lê Đăng Q 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Phí Văn N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Bình Tr, Trần Đình S, Lê Đăng Q, Phí Văn N và Nguyễn Hoàng A mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười Tr đồng) về hành vi đánh bạc.

Giao các bị cáo Phan Văn Nh, Lại Văn N, Nguyễn Bình Tr, Trần Đình S, Lê Đăng Q, Phí Văn N và Nguyễn Hoàng A cho UBND xã Tân L, huyện Đ, tỉnh B quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 34.390.000 đồng (Ba mươi bốn Tr ba trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 93T3-2203.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 lá; 02 bàn nhựa màu đỏ; 01 bàn gỗ xếp; 07 ghế nhựa màu đỏ.

+ Quản thủ số tiền số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng A để đảm bảo thi hành án.

+ Truy thu bị cáo Phí Văn N, Lê Đăng Q mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (năm Tr đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải nộp án phí, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- CA huyện Đ (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh T

